

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng các xã bãi ngang ven biển và hải đảo có số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới thấp

Thực hiện Văn bản số 15/BCĐTW ngày 10/6/2014 của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới về việc đánh giá thực trạng các xã bãi ngang ven biển, hải đảo có số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới thấp; UBND tỉnh Bình Định báo cáo như sau:

1. Tình hình chung về các xã bãi ngang trên địa bàn tỉnh

a. Số lượng xã bãi ngang của tỉnh

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-TTG ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015. Theo đó, tỉnh Bình Định có 18 xã thuộc diện bãi ngang, cụ thể như sau:

- Huyện Hoài Nhơn 05 xã: Hoài Hương, Hoài Thanh, Tam Quan Nam, Hoài Hải, Hoài Mỹ. Trong đó xã Hoài Hương là xã điểm xây dựng nông thôn mới của tỉnh, dự kiến hoàn thành xã nông thôn mới trong năm 2015; xã Hoài Thanh, Tam Quan Nam là xã dự kiến hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; xã Hoài Hải, Hoài Mỹ là xã dự kiến hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau năm 2020.

- Huyện Phù Mỹ 07 xã: Mỹ Lợi, Mỹ Thọ, Mỹ Thành, Mỹ Cát, Mỹ Thắng, Mỹ An, Mỹ Đức. Trong đó xã Mỹ Lợi, Mỹ Thọ, Mỹ Thành là xã dự kiến hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; xã Mỹ Cát, Mỹ Thắng, Mỹ An, Mỹ Đức là xã dự kiến hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau năm 2020.

- Huyện Phù Cát 05 xã: Cát Thành, Cát Khánh, Cát Minh, Cát Chánh, Cát Hải. Trong đó xã Cát Khánh, Cát Minh là xã dự kiến hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; xã Cát Thành, Cát Chánh, Cát Hải là xã dự kiến hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau năm 2020.

- Thành phố Quy Nhơn: 01 xã đảo Nhơn Châu là xã dự kiến hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

b. Hiện trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ở các xã bãi ngang của tỉnh

- Điều kiện tự nhiên

Các xã bãi ngang trên địa bàn tỉnh hầu hết có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, đặc thù của các xã nằm ở ven biển, ven đầm, cách xa trung tâm huyện,

chịu ảnh hưởng nhiều của biến đổi khí hậu, hạn hán, triều cường, xâm nhập mặn... đời sống nhân dân trong vùng chịu ảnh hưởng tác động rất lớn của điều kiện tự nhiên. Đặc biệt xã đảo Nhơn Châu, nằm cách thành phố Quy Nhơn 25 km về phía Đông Nam; điều kiện tự nhiên hết sức khắc nghiệt, luôn chịu ảnh hưởng của mưa bão, triều cường, giao thông đi lại rất khó khăn, nguồn lợi thủy sản cạn kiệt, kinh tế kém phát triển, đời sống của nhân dân không ổn định.

- Dân số, dân tộc thiểu số

Tổng dân số các xã bãi ngang trên địa bàn tỉnh là 191.303 người, với 45.500 hộ; trong đó dân số trong độ tuổi lao động chiếm 49,5%. Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm tại các xã bãi ngang khoảng 1,2%, (cao hơn mức bình quân chung của tỉnh là 0,92%); trong đó số hộ sinh con thứ 3 còn chiếm tỷ lệ cao, chủ yếu tập trung tại các vùng có cư dân làm nghề đánh bắt thủy sản trên biển.

Các xã bãi ngang trên địa bàn tỉnh không có hộ dân tộc thiểu số.

- Thực trạng cơ sở hạ tầng thiết yếu

+ Về giao thông: Đến nay 100% số xã có đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; đường trục thôn với tổng chiều dài 396 km, trong đó cứng hóa 245,5 km (đạt tỷ lệ 62%); đường trục chính nội đồng với tổng chiều dài 270,7 km, trong đó cứng hóa 81 km (đạt tỷ lệ 15%). Hiện nay các tuyến đường giao thông trục thôn, liên thôn tại các xã bãi ngang của tỉnh đều chưa đạt chuẩn cấp đường theo quy định tại Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2011 của Bộ GTVT, do mật độ dân cư đông đúc trong khi quỹ đất để mở rộng đường giao thông gần như không có.

+ Về thủy lợi: Các xã bãi ngang nằm ở phía Đông của tỉnh có địa hình trũng thấp, vì vậy hệ thống thủy lợi chủ yếu phục vụ tiêu nước, thoát lũ, chống ngập úng và hệ thống kênh mương nội đồng cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Nước ngọt cung cấp nuôi trồng thủy sản hạn chế, chủ yếu khai thác nguồn nước ngầm tại chỗ. Tổng chiều dài kênh mương thủy lợi là 306 km, trong đó đã kiên cố hóa 76,5 km (đạt tỷ lệ 25%). Đối với các xã bãi ngang của tỉnh, bên cạnh kiên cố hóa kênh mương thủy lợi để phục vụ phát triển sản xuất cần chú trọng xây dựng và củng cố hệ thống đê, kè chống xói lở, triều cường, xâm nhập mặn,...

+ Về hạ tầng điện: Hầu hết các xã bãi ngang của tỉnh đã có hệ thống lưới điện cơ bản đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện; đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh trên địa bàn. Riêng xã đảo Nhơn Châu, hiện chưa có điện lưới quốc gia, chủ yếu sử dụng máy phát điện để phục vụ nhu cầu sinh hoạt người dân trên đảo một cách hạn chế.

+ Về cơ sở vật chất văn hóa: Có 03/18 xã đã có nhà văn hóa xã; 79/124 thôn có nhà văn hóa và 14/124 có khu thể thao thôn. Đến nay, tất cả các xã bãi ngang của tỉnh đều có cơ sở vật chất văn hóa chưa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đối với các xã bãi ngang do mật độ dân cư đông đúc, quỹ đất để xây dựng cơ sở hạ tầng ít, do đó rất khó để xây dựng cơ sở vật chất văn hóa có quy mô diện tích đạt chuẩn theo quy định.

+ Về trường học: Bậc Trung học cơ sở có 3/18 trường đạt chuẩn theo quy định; bậc Tiểu học có 07/31 trường đạt chuẩn; bậc Mẫu giáo, mầm non có 02/21 trường học đạt chuẩn. Nhìn chung cơ sở vật chất trường học tại các xã bãi ngang của tỉnh còn nhiều thiếu thốn, số trường đạt chuẩn theo quy định còn quá ít, chưa đáp ứng yêu cầu dạy và học cho con em trên địa bàn.

+ Nhà ở dân cư: Có 23.270/42.309 nhà ở đạt chuẩn theo quy định (chiếm 55%), số nhà bán kiên cố còn chiếm tỷ lệ cao. Trong đó hầu hết nhà ở dân cư tại các xã bãi ngang có quy mô diện tích nhỏ, không đạt chuẩn theo quy định 14m²/người.

- Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

+ Về sản xuất nông, lâm nghiệp

Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 11.481,21 ha, trong đó đất chuyên trồng lúa 6.910,0 ha (chiếm 60,2%), đất trồng cây trồng khác 4.407,24 ha (chiếm 38,4%), đất làm muối 163,97 ha (chiếm 1,4%). Riêng 02 xã Hoài Hải, huyện Hoài Nhơn và Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn không có diện tích đất trồng lúa.

Diện tích đất lâm nghiệp 13.609,13 ha; trong đó diện tích đất trồng rừng phòng hộ ven biển 7.903,2 ha (chiếm 58,0%) và diện tích đất trồng rừng sản xuất 5.705,93 ha (chiếm 42,0%).

Về diêm nghiệp: Chủ yếu tập trung tại các xã Cát Minh, Cát Khánh, huyện Phù Cát và Mỹ Cát, Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ; năng suất muối bình quân hàng năm đạt 65 tấn/ha.

Cây lúa hiện là cây trồng chính hiện nay của các xã bãi ngang (trừ xã Hoài Hải, huyện Hoài Nhơn và Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn), với năng suất bình quân đạt khoảng 58,7 tạ/ha. Ngoài ra, còn trồng một số loại cây ngắn ngày khác như ngô, sắn, hành, khoai lang, lạc,... với quy mô diện tích không lớn.

Bên cạnh phát triển ngành nông nghiệp, thế mạnh hiện nay của các xã bãi ngang là nuôi trồng và khai thác thủy sản. Về nuôi trồng thủy sản chủ yếu là nuôi tôm và cá nước lợ, tập trung tại các xã như: Hoài Hương, Hoài Hải, Hoài Mỹ, Tam Quan Nam, Mỹ An, Mỹ Cát, Cát Minh, Cát Khánh; về khai thác thủy sản tập trung vào một số xã tiếp giáp với biển như Tam Quan Nam, Hoài Hương, Hoài Hải, Hoài Mỹ, Hoài Thanh, Mỹ Thành, Mỹ Thọ, Cát Khánh, Cát Thành, Nhơn Châu.

+ Về cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế các xã bãi ngang ven biển của tỉnh chủ yếu là nuôi trồng và khai thác thủy hải sản; trong đó khai thác thủy sản chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của địa phương. Một số xã có ngành khai thác thủy sản phát triển mạnh như: Tam Quan Nam, Hoài Hương, Hoài Hải, Hoài Mỹ, Hoài Thanh, Mỹ Thành, Mỹ Thọ, Cát Khánh, Cát Thành, Nhơn Châu, ngành thủy sản chiếm tỷ trọng từ 70% - 95% trong cơ cấu kinh tế của địa phương.

+ Về việc làm, thu nhập và đời sống của người dân:

Tỷ lệ hộ nghèo tại các xã bãi ngang ven biển còn chiếm tỷ lệ cao, tính đến nay tổng số hộ nghèo ở các xã bãi ngang của tỉnh còn 5.273 hộ nghèo, với 14.605

nhân khẩu, chiếm 11,55% (bình quân chung toàn tỉnh chiếm 9,85%). Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt 88%; mức thu nhập bình quân đầu người đạt từ 15-18 triệu đồng/năm.

- Về tổ chức chính quyền và chính trị xã hội:

Nhìn chung hệ thống tổ chức chính quyền và chính trị xã hội tại các xã bãi ngang của tỉnh còn yếu và thiếu; đội ngũ cán bộ xã có trình độ chuyên môn đạt chuẩn còn thấp. Đặc thù là xã vùng xa, khó khăn nên chưa thu hút được cán bộ đến công tác, trong khi trình độ dân trí của người dân trên địa bàn không cao; việc học tập của con em địa phương chưa được chú trọng.

2. Kết quả thực hiện các chính sách tại các xã bãi ngang của tỉnh

a. Kết quả thực hiện các chính sách đặc thù trên địa bàn

- *Chính sách vay vốn tín dụng*

Thực hiện Nghị định số 78/NĐ-CP ngày 04/01/2002 của Chính phủ về tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng xã hội khác; các Quyết định số 30, 31/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn và Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

Qua 3 năm đã hỗ trợ cho 18.682 lượt hộ vay vốn, tổng kinh phí cho vay 294.516 triệu đồng, trong đó: vay hộ nghèo 4.431 hộ, kinh phí 122.003 triệu đồng; vay học sinh, sinh viên 7.430 hộ, kinh phí 54.124 triệu đồng; vay giải quyết việc làm 334 hộ, kinh phí 3.341 triệu đồng; vay nước sạch VSMT 2.256 hộ, kinh phí 14.518 triệu đồng; hộ nghèo vay nhà ở 145 hộ, kinh phí 1.160 triệu đồng; vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn 3.050 hộ, kinh phí 73.650 triệu đồng; cho vay thương nhân vùng khó khăn 66 hộ, kinh phí 1.980 triệu đồng; cho vay hộ cận nghèo 828 hộ, kinh phí 24.246 triệu đồng.

Thông qua nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi của Nhà nước, nhiều địa phương đã thực hiện giải quyết cho vay hộ khó khăn về kinh tế, hộ gia đình có nhu cầu sản xuất kinh doanh, các chương trình, dự án cộng với sự giúp đỡ của các tổ chức Hội, đoàn thể liên quan. Nhiều hộ đã sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả trong sản xuất, nên đã góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo ở từng địa phương.

- *Chính sách hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo*

Thực hiện Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27/7/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 và Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định 139/2002/QĐ-TTg về khám chữa bệnh cho người nghèo.

Trong 3 năm (2011-2013) đã thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 64.055 thẻ BHYT cho người nghèo (đạt 100% chỉ tiêu đặt ra), tổng kinh phí thực hiện là 30.773 triệu đồng, tổng số người nghèo được khám chữa bệnh miễn phí là 133.021 lượt người với tổng kinh phí điều trị là 31.163 triệu đồng. Việc cấp thẻ

BHYT được các cấp tổ chức thực hiện ngay sau khi hoàn chỉnh công tác điều tra xác định hộ nghèo hàng năm cấp cho người nghèo sớm có thẻ BHYT ngay từ đầu năm, tạo thuận tiện cho người nghèo khám chữa bệnh.

Nhiều trạm y tế cấp xã đã có bác sỹ, y sỹ phục vụ khám chữa bệnh được tăng cường đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn trong tình hình mới. Thông qua chính sách này đã tác động có hiệu quả và thiết thực đến công tác chăm lo sức khoẻ cho người nghèo.

- Chính sách hỗ trợ giáo dục

Thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ, giai đoạn 2011-2013 đã có 18.255 học sinh, sinh viên các xã bãi ngang được hỗ trợ tiền miễn, giảm học phí, kinh phí 40.638 triệu đồng; có 149.068 lượt trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông được hỗ trợ chi phí học tập, kinh phí thực hiện 70.205 triệu đồng.

Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 49/CP đã được triển khai có kết quả trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Qua theo dõi từ khi thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tình hình học sinh tại các xã bãi ngang bỏ học đã giảm đáng kể, trẻ em học mẫu giáo đã đi học nhiều hơn; học sinh, sinh viên có đời sống khó khăn sinh sống ở các bãi ngang đang theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã có cơ hội tiếp tục được học tập.

- Chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở

Thực hiện Quyết định 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo về nhà ở. Giai đoạn 2011-2013 đã hỗ trợ xây dựng 241 nhà, với tổng kinh phí hỗ trợ là 4.481,6 triệu đồng; trong đó Trung ương hỗ trợ 782,1 triệu đồng, tỉnh hỗ trợ 71,1 triệu đồng, nguồn huy động là 1.080 triệu đồng.

Ngoài ra, các đơn vị, tổ chức, cá nhân đã hỗ trợ cho 62 hộ nghèo xây dựng lại nhà ở với kinh phí hỗ trợ 1.796 triệu đồng.

Thông qua các chính sách này đã giúp cho nhiều hộ nghèo ổn định chỗ ở, yên tâm sản xuất, tăng thu nhập góp phần cải thiện đời sống, giảm tỷ lệ hộ nghèo ở địa phương.

- Chính sách hỗ trợ tiền điện cho nghèo

Thực hiện Quyết định số 2409/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ hộ nghèo tiền điện. Giai đoạn 2011- 2013 đã hỗ trợ cho 21.783 lượt hộ nghèo tiền điện với số tiền 7.374,94 triệu đồng, trong đó:

Năm 2011: Có 8.364 hộ nghèo được hỗ trợ kinh phí 2.760,12 triệu đồng

Năm 2012: Có 7.154 hộ nghèo được hỗ trợ kinh phí 2.360,82 triệu đồng

Năm 2013: Có 6.265 hộ nghèo được hỗ trợ kinh phí 2.254 triệu đồng

b. Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Công trình được đầu tư trên địa bàn các xã bãi ngang chủ yếu tập trung vào những công trình phục vụ sản xuất, gồm: bờ bao kè chống sạt, lở; trạm bơm cung

cấp nước cho nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối; đường ra bến cá, cảng cá và công trình đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: đường giao thông nông thôn; kênh mương thủy lợi; trung tâm văn hóa cộng đồng; trường, lớp học; trạm y tế; chợ...Cụ thể:

- *Khối lượng công trình đã thực hiện:*

Qua 3 năm thực hiện, đã có 135 công trình được xây dựng và đưa vào sử dụng, trong đó:

- + Đường giao thông nông thôn: 86 công trình.
- + Kênh mương, tràn thoát lũ: 12 công trình.
- + Trường học: 12 công trình.
- + Trạm Y tế: 3 công trình.
- + Bờ bao, kè chắn sóng: 8 công trình.
- + Trung tâm văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng: 7 công trình.
- + Chợ: 7 công trình.

- *Kinh phí thực hiện:*

Tổng kinh phí hỗ trợ thực hiện là 74.343,324 triệu đồng, trong đó:

- + Nguồn hỗ trợ Trung ương: 57.000 triệu đồng.
- + Kinh phí địa phương 10.471,981 triệu đồng.
- + Huy động từ cộng đồng 6.871,343 triệu đồng.

- *Hiệu quả đầu tư:*

Những năm qua, chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh đã tạo chuyển biến tích cực về các mặt của đời sống kinh tế - xã hội của địa phương; cơ sở hạ tầng ngày càng nâng cao khả năng phục vụ nhu cầu dân sinh và kinh tế, kết hợp và lồng ghép các dự án chính sách trên địa bàn nhất là chương trình nông thôn mới đã giúp cho bộ mặt nông thôn của các xã có nhiều đổi thay, đời sống người dân trong vùng ngày càng được cải thiện. Các công trình gắn liền với đời sống cư dân ven biển như đập chắn sóng, trạm bơm cấp nước nuôi trồng thủy sản... đã góp phần tạo sự ổn định đời sống nhân dân, tăng thu nhập và từng bước thoát nghèo. Qua 3 năm đã có hơn 137.000 lượt hộ dân được hưởng lợi từ các công trình đầu tư mang lại, trong đó có hơn 16.000 lượt hộ nghèo.

3. Kết quả triển khai xây dựng nông thôn mới ở các xã bãi ngang

a. Kết quả triển khai các hoạt động xây dựng nông thôn mới tại các xã bãi ngang của tỉnh

- Các xã đã thành lập Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; thành lập Ban phát triển các thôn, phân công các tổ chức hội đoàn thể tham gia thực hiện Chương trình.

- Tuyên truyền: Các xã đã tổ chức lễ phát động thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới” nhằm phát động sâu rộng đến các ngành, các tổ chức Hội đoàn thể, các thôn và toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trên địa

bàn xã hưởng ứng tham gia xây dựng nông thôn mới; các Chi bộ đảng, các Hội đoàn thể của xã đã tổ chức tuyên truyền thông qua các buổi sinh hoạt định kỳ của Chi bộ, của tổ chức hội đoàn thể để tuyên truyền các nội dung về xây dựng nông thôn mới đến toàn thể đảng viên và các hội viên trên địa bàn xã. Thường xuyên trên Đài truyền thanh xã về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới. Các xã đã phối hợp với Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, Ban Tuyên giao Tỉnh ủy tuyên truyền quán triệt chủ trương, cơ chế chính sách, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị, trách nhiệm của cộng đồng dân cư tại chỗ trong thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Đã hoàn thành công tác lập quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới tại các xã trong năm 2013. Các xã đang triển khai lập kế hoạch chi tiết hàng năm về xây dựng nông thôn mới theo đề án đã được phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện.

b. Kết quả thực hiện 19 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới

Tính đến 30/6/2014, kết quả thực hiện 19 tiêu chí về nông thôn mới tại các xã bãi ngang của tỉnh như sau:

- Số xã đạt 12 tiêu chí: 01 xã điểm Hoài Hương.
- Số xã đạt 11 tiêu chí: 05 xã (Cát Hải, Cát Minh, Mỹ Lợi, Hoài Thanh, Tam Quan Nam).
- Số xã đạt 10 tiêu chí: 01 xã Mỹ Cát.
- Số xã đạt 9 tiêu chí: 03 xã (Nhơn Châu, Cát Chánh, Hoài Mỹ).
- Số xã đạt 8 tiêu chí: 04 xã (Cát Khánh, Cát Thành, Mỹ Thọ, Hoài Hải).
- Số xã đạt 7 tiêu chí: 01 xã Mỹ Thành.
- Số xã đạt 6 tiêu chí: 03 xã (Mỹ Đức, Mỹ Thắng, Mỹ An).

Các tiêu chí có số xã đạt thấp như: giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, hộ nghèo, y tế, môi trường, hệ thống chính trị; trong đó tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa, hộ nghèo không có xã đạt.

4. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng các xã bãi ngang có tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới thấp

a. Nguyên nhân khách quan

- Có xuất phát điểm thấp so với bình quân chung toàn tỉnh; nằm trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội rất khó khăn, cách xa trung tâm huyện, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, luôn chịu ảnh hưởng của mưa bão, triều cường, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, kinh tế kém phát triển, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn.

- Khó khăn về nước ngọt, nước hợp vệ sinh phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân trong vùng.

b. Nguyên nhân chủ quan

- Thời gian qua các xã bãi ngang đều được hưởng các chính sách hỗ trợ đầu tư từ Trung ương và tỉnh; tuy nhiên nguồn vốn đầu tư hàng năm chưa đáp ứng với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong khi đời sống người dân

còn nhiều khó khăn, nguồn lực huy động trong nhân dân để tham gia xây dựng nông thôn mới còn hạn chế.

- Dân sống quần cư theo tập quán, cần nhiều lao động nam để đi biển nên khó đạt chuẩn các tiêu chí về nhà ở, về văn hóa (tỷ lệ sinh con thứ 3 cao).

- Các xã bãi ngang của tỉnh hầu hết đều nằm trong diện hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2020 và sau năm 2020 (trừ xã điểm Hoài Hương); vì vậy thời gian qua Đảng bộ, chính quyền các xã chưa thật sự quyết liệt trong xây dựng nông thôn mới.

c. Những vấn đề cần giải quyết

- Tập trung ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho nhân dân các xã bãi ngang; trong đó chú trọng hỗ trợ để phát triển các nghề là thế mạnh truyền thống của các xã bãi ngang như: nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, diêm nghiệp, chế biến thủy sản,...

- Các xã bãi ngang có tỷ lệ hộ nghèo cao. Thời gian đến cần ưu tiên hỗ trợ cho các hộ nghèo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, từng bước thoát nghèo như: hỗ trợ vốn để phát triển sản xuất, đào tạo nghề, phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho lao động là hộ nghèo,...

- Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại các xã bãi ngang như: giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, các công trình phòng chống thiên tai do mưa bão, triều cường,...

5. Những giải pháp của tỉnh, huyện đối với các xã bãi ngang xây dựng nông thôn mới trong thời gian tới

- a.** Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong toàn thể Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trên địa bàn về chương trình xây dựng nông thôn mới; phát động phong trào thi đua, tạo khí thế hăng hái, tham gia hưởng ứng xây dựng nông thôn mới.

- b.** Ban hành cơ chế hỗ trợ đầu tư trong xây dựng nông thôn mới đối với các xã bãi ngang của tỉnh.

- c.** Ưu tiên nguồn lực phù hợp để hỗ trợ cho các xã bãi ngang; xem xét lồng ghép các chương trình, dự án của Trung ương và của tỉnh để hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tại các xã bãi ngang của tỉnh.

6. Kiến nghị

- a.** Trung ương hàng năm xem xét tăng thêm nguồn vốn hỗ trợ các xã bãi ngang cho tỉnh, để có thể đáp ứng nhu cầu cho các địa phương hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra. Sớm công bố kế hoạch vốn trong cả giai đoạn cho tỉnh, để tỉnh chủ động trong việc bố trí nguồn lực, lựa chọn dự án và có kế hoạch huy động các nguồn vốn khác.

- b.** Tăng định mức hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng đối với các xã bãi ngang, ven biển và hải đảo cho phù hợp điều kiện thực tế các xã bãi ngang hiện nay của tỉnh. Nguồn vốn hỗ trợ hàng năm hiện nay quá thấp so với nhu cầu và quy mô của công trình nên khó khăn trong thực hiện và hiệu quả chưa cao.

c. Quy định cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đối với các xã bãi ngang, ven biển và hải đảo.

d. Đề nghị quy định mức chuẩn riêng một số tiêu chí về xây dựng nông thôn mới đối với các xã bãi ngang cho phù hợp với điều kiện thực tế địa phương như: giao thông, về văn hóa, nhà ở dân cư, thu nhập, hộ nghèo.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới./. *ty*

Nơi nhận:

- BCĐ TW CT XD NTM;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Trần Thị Thu Hà;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K13, K19 (M. 9b) *2*



Trần Thị Thu Hà